

Số: 135/QĐ-TTĐVĐGTS

Lai Châu, ngày 17 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v Ban hành Quy chế cuộc đấu giá

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Bộ Luật Dân sự 2015;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14, ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15, ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số: 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số: 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/04/2025 của Bộ Tư pháp Ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, điều kiện về năng lực tài chính của tổ chức tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 06 mỏ khoáng sản được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 07/5/2026;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-SNNMT ngày 17/8/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu v/v Ban hành Hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 06 mỏ khoáng sản được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 07/5/2026;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 135/2026/HĐDVĐGTS ngày 17/8/2026 giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu và Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu,

QUYẾT ĐỊNH;

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy chế cuộc đấu giá tài sản theo Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 135/2026/HĐDVĐGTS ngày 17/8/2026 giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu và Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Người tham gia đấu giá, tổ chức cá nhân có liên quan, viên chức và người lao động của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận;

- Đăng tin tại:
- + Cổng TTĐT quốc gia về đấu giá tài sản;
- Niêm yết tại:
- + TTDVĐGTS Lai Châu;
- + Nơi tổ chức phiên đấu giá;
- Hồ sơ mời tham gia đấu giá.
- Lưu HS, CQ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thái Hà

QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 135/QĐ-TTĐVĐGTS ngày 17/8/2026 của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu v/v Ban hành Quy chế cuộc đấu giá)

Điều 1: Mục đích và phạm vi áp dụng:

1. Mục đích: Quy chế đấu giá tài sản được ban hành nhằm quy định cụ thể các vấn đề liên quan trong việc tổ chức đấu giá tài sản, bao gồm:

- Nguyên tắc, trình tự thủ tục đấu giá;
- Tài sản đấu giá và mức giá khởi điểm;
- Nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân tham dự đấu giá và của các đối tượng khác có liên quan;

2. Phạm vi áp dụng:

Quy chế này được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động của cuộc đấu giá tài sản do Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu tổ chức cho đến khi hoàn thành việc đấu giá. Các nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản, các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2: Tên tài sản hoặc danh mục tài sản, lô tài sản hoặc tài sản riêng lẻ, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:

1. Mỏ vàng Nậm Cuối, xã Nậm Cuối, tỉnh Lai Châu

- Loại khoáng sản: Khoáng sản chính là quặng vàng.
- Địa điểm khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá: khu vực mỏ có dạng địa hình đồi núi thấp và là khoáng sản vàng dạng mạch nên có thể khai thác bằng phương pháp hầm lò hoặc lộ thiên
- Tọa độ, diện tích đưa ra đấu giá:

Tên mỏ, địa điểm	Loại khoáng sản	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 103°00' múi 3 ⁰		Diện tích (ha)
			X (m)	Y (m)	
Mỏ vàng Nậm Cuối, xã Nậm Cuối, tỉnh Lai Châu	Khoáng sản chính là quặng vàng.	1	2448212.00	554538.00	4,9
		2	2448079.00	554865.00	
		3	2447977.00	554717.00	
		4	2448130.00	554412.00	
		5	2447321.00	555439.00	8,9
		6	2447477.00	555571.00	
		7	2447352.00	555692.00	
		8	2447314.00	556006.00	
		9	2447483.00	555944.00	
		10	2447212.00	555621.00	

1.4. Giá khởi điểm: R=2%

1.5. Bước giá: 0,2%.

1.6. Tiền đặt trước: 42.104.445đ (Bốn mươi hai triệu, một trăm linh bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi năm nghìn đồng).

1.7. Vốn chủ sở hữu của tổ chức tham gia đấu giá ít nhất bằng 12.283.002.446đ (Mười hai tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, không trăm linh hai nghìn, bốn trăm bốn mươi sáu đồng).

2. Mỏ đá phiến lợp Nậm Ban, xã Pa Tần, tỉnh Lai Châu

2.1. Loại khoáng sản: Khoáng sản chính là đá phiến lợp làm vật liệu xây dựng.

2.2. Địa điểm khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá: khu vực mỏ có dạng địa hình đồi núi phân cắt và là khoáng sản đá phiến lợp làm vật liệu xây dựng nên phương pháp khai thác là phương pháp lộ thiên

2.3. Tọa độ, diện tích đưa ra đấu giá

Tên mỏ, địa điểm	Loại khoáng sản	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 103 ^{00'} múi 3 ⁰		Diện tích (ha)
			X (m)	Y (m)	
Mỏ đá phiến lợp Nậm Ban, xã Pa Tần, tỉnh Lai Châu	Khoáng sản chính là đá phiến lợp làm vật liệu xây dựng	1	2467879.15	516479.32	6,8
		2	2467767.03	516896.83	
		3	2467616.01	516852.61	
		4	2467729.74	516434.73	

2.4. Giá khởi khiếm: R=1%

2.5. Bước giá: 0,1%.

2.6. Tiền đặt trước: 233.688.675đ (Hai trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm bảy mươi năm đồng)

2.7. Vốn chủ sở hữu của tổ chức tham gia đấu giá ít nhất bằng 1.058.047.618đ (Một tỷ, không trăm năm mươi tám triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm mười tám nghìn đồng)>

3. Mỏ đá Noong Ò, xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu.

3.1. Loại khoáng sản: Khoáng sản chính là đá làm vật liệu xây dựng thông thường

3.2. Địa điểm khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá: khu vực mỏ có dạng địa hình đồi núi thấp và là khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường nên phương pháp khai thác là phương pháp lộ thiên

3.3. Tọa độ, diện tích đưa ra đấu giá

Tên mỏ, địa điểm	Loại khoáng sản	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 103 ^{00'} múi 3 ⁰		Diện tích (ha)
			X (m)	Y (m)	
Mỏ đá Noong Ò, xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu	Khoáng sản chính là đá làm vật liệu xây dựng thông thường	1	2418056	579757	3,4
		2	2417962	579845	
		3	2417886	579887	
		4	2417819	579858	
		5	2417782	579780	
		6	2418002	579655	

3.4. Giá khởi khiếm: R=3%

3.5. Bước giá: 0,3%.

3.6. Tiền đặt trước: 3.278.893.140 đồng.

3.7. Vốn chủ sở hữu của tổ chức tham gia đấu giá ít nhất bằng 1.533.464.464đ (*Một tỷ, năm trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi tư nghìn, bốn trăm sáu mươi tư đồng*)

4. Mỏ đá Nậm Nà, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu

4.1. Loại khoáng sản: Khoáng sản chính là đá làm vật liệu xây dựng thông thường

4.2. Địa điểm khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá: khu vực mỏ có dạng địa hình đồi núi thấp và là khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường nên phương pháp khai thác là phương pháp lộ thiên

4.3. Tọa độ, diện tích đưa ra đấu giá

Tên mỏ, địa điểm	Loại khoáng sản	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 103 ^{00'} múi 3 ⁰		Diện tích (ha)
			X (m)	Y (m)	
Mỏ đá Nậm Nà, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu	Khoáng sản chính là đá làm vật liệu xây dựng thông thường	1	2447365.00	496930.00	1,66
		2	2447346.00	496997.00	
		3	2447321.00	497028.00	
		4	2447278.00	497038.00	
		5	2447198.00	496979.00	
		6	2447232.00	496882.00	

4.4. Giá khởi khiếm: R=3%

4.5. Bước giá: 0,3%.

4.6. Tiền đặt trước: 1.395.566.235 đồng

4.7. Vốn chủ sở hữu của tổ chức tham gia đấu giá ít nhất bằng 748.691.474đ (*Bảy trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm bảy mươi tư đồng*)

5. Mỏ sét Mường Than, xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu

5.1. Loại khoáng sản: Khoáng sản chính là sét làm vật liệu xây dựng thông thường (gạch nung)

5.2. Địa điểm khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá: khu vực mỏ có dạng địa hình đồi núi thấp và là khoáng sản sét làm vật liệu xây dựng thông thường nên phương pháp khai thác là phương pháp lộ thiên

5.3. Tọa độ, diện tích đưa ra đấu giá là 2,99ha

Tên mỏ, địa điểm	Loại khoáng sản	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 103 ^{00'} múi 3 ⁰		Diện tích (ha)
			X (m)	Y (m)	
Mỏ sét Mường Than, xã Than Uyên,	Khoáng sản chính là sét làm vật liệu	1	2,431,438.00	593,165.00	0,48 ha
		2	2,431,370.00	593,197.00	
		3	2,431,345.00	593,199.00	
		4	2,431,341.00	593,187.00	

tỉnh Lai Châu	xây dựng thông thường (gạch nung)	5	2,431,340.00	593,173.00	
		6	2,431,339.00	593,169.00	
		7	2,431,335.00	593,153.00	
		8	2,431,335.00	593,128.00	
		9	2,431,337.00	593,122.00	
		10	2,431,342.00	593,117.00	
		11	2,431,341.00	593,117.00	
		12	2,431,357.00	593,148.00	
		13	2,431,373.00	593,148.00	
		14	2,431,383.00	593,140.00	
		15	2,431,422.00	593,128.00	
		16	2,431,425.00	593,129.00	
		17	2,431,427.00	593,134.00	
		18	2,431,325.00	593,126.00	1,23 ha
		19	2,431,314.00	593,202.00	
		10	2,431,220.00	593,231.00	
		21	2,431,205.00	593,206.00	
		22	2,431,192.00	593,156.00	
		23	2,431,190.00	593,137.00	
		24	2,431,206.00	593,122.00	
		25	2,431,221.00	593,132.00	
		26	2,431,238.00	593,130.00	
		27	2,431,252.00	593,118.00	
		28	2,431,261.00	593,092.00	
		29	2,431,283.00	593,086.00	
		30	2,431,281.00	593,099.00	
		31	2,431,299.00	593,106.00	
		32	2,431,313.00	593,128.00	
		33	2,431,229.00	592,913.00	1,28 ha
		34	2,431,217.00	592,958.00	
		35	2,431,119.00	592,938.00	
		36	2,431,126.00	592,960.00	
		37	2,431,148.00	592,965.00	
		38	2,431,155.00	592,982.00	
		39	2,431,155.00	593,003.00	
		40	2,431,145.00	593,027.00	
		41	2,431,122.00	593,032.00	
		42	2,431,102.00	592,984.00	
		43	2,431,094.00	592,952.00	
		44	2,431,096.00	592,934.00	

		45	2,431,081.00	592,931.00	
		46	2,431,074.00	592,925.00	
		47	2,431,071.00	592,890.00	
		48	2,431,106.00	592,880.00	
		49	2,431,165.00	592,880.00	
		50	2,431,213.00	592,887.00	

5.4. Giá khởi khiếm: R=5%

5.5. Bước giá: 0,5%.

5.6. Tiền đặt trước: 1.403.618.350đ (Một tỷ, bốn trăm linh ba triệu, sáu trăm mười tám nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

5.7. Vốn chủ sở hữu của tổ chức tham gia đấu giá ít nhất bằng 1.808.198.399đ (Một tỷ, tám trăm linh tám triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi chín đồng)

6. Mỏ cát sông Đà và suối Nậm Dòn thuộc xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu

6.1. Loại khoáng sản: Khoáng sản chính là cát làm vật liệu xây dựng thông thường.

6.2. Địa điểm khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá: cát tại sông Đà và suối Nậm Dòn, xã Nậm Hàng.

6.3. Tọa độ, diện tích đưa ra đấu giá

		TỌA ĐỘ VN-2000		
		Kinh tuyến trực 103 độ, múi chiếu 3 độ		
		Điểm góc	X (m)	Y (m)
Mỏ cát sông Đà và suối Nậm Dòn thuộc xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu	Khoáng sản chính là cát làm vật liệu xây dựng thông thường	(diện tích 10,6 ha)		
		1	2448687,63	503480,27
		2	2448499,39	503728,89
		3	2448562,15	503770,73
		4	2448724,28	503701,69
		5	2448751,47	503766,55
		6	2448588,30	503875,33
		7	2448434,23	503878,34
		8	2448365,49	504501,07
		9	2448277,62	504034,33
		10	2448316,34	503779,68
		11	2448546,03	503486,32

6.4. Giá khởi khiếm: R=5%

6.5. Bước giá: 0,5%.

6.6. Tiền đặt trước: 585.786.881đ (Năm trăm tám mươi năm triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi một đồng).

6.7. Vốn chủ sở hữu của tổ chức tham gia đấu giá ít nhất bằng 3.782.707.497đ (Ba tỷ, bảy trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm linh bảy nghìn, bốn trăm chín mươi bảy đồng)

7. Số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:

- Số lượng: 06 mỏ
- Chất lượng: Đủ điều kiện tiến hành đấu giá

8. Nơi có tài sản đấu giá: Mỏ vàng Nậm Cuối, xã Nậm Cuối; Mỏ đá phiến lợp Nậm Ban, xã Pa Tần; Mỏ đá Nậm Nà, xã Nậm Hàng; Mỏ đá Noong Ò, xã Mường Kim; Mỏ sét Mường Than, xã Than Uyên; Mỏ cát sông Đà và suối Nậm Dòn thuộc xã Nậm Hàng.

9. Giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng:

Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, điều kiện về năng lực tài chính của tổ chức tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 06 mỏ khoáng sản được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 07/5/2026

Điều 3: Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

1. Thời gian: Từ ngày 18/8/2026 đến ngày 21/8/2026 (trong giờ hành chính các ngày làm việc)

2. Địa điểm: Mỏ vàng Nậm Cuối, xã Nậm Cuối; Mỏ đá phiến lợp Nậm Ban, xã Pa Tần; Mỏ đá Nậm Nà, xã Nậm Hàng; Mỏ đá Noong Ò, xã Mường Kim; Mỏ sét Mường Than, xã Than Uyên; Mỏ cát sông Đà và suối Nậm Dòn thuộc xã Nậm Hàng (Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu tổ chức cho người tham gia đấu giá xem tài sản).

Điều 4: Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá:

a. Thời gian bán hồ sơ mời tham gia đấu giá: Từ 07 giờ 30 phút ngày 18/8/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 04/9/2026 (trong giờ hành chính các ngày làm việc).

b. Địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu (Tầng 2, tòa nhà số 01, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu).

c. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá:

- Mỏ vàng Nậm Cuối, xã Nậm Cuối: 100.000đ/hs (Một trăm nghìn đồng);
- Mỏ đá phiến lợp Nậm Ban, xã Pa Tần: 100.000đ/hs (Một trăm nghìn đồng);
- Mỏ đá Nậm Nà, xã Nậm Hàng: 200.000đ/hs (Hai trăm nghìn đồng);
- Mỏ đá Noong Ò, xã Mường Kim: 500.000đ/hs (Năm trăm nghìn đồng);
- Mỏ sét Mường Than, xã Than Uyên: 200.000đ/hs (Hai trăm nghìn đồng);
- Mỏ cát sông Đà và suối Nậm Dòn thuộc xã Nậm Hàng: 200.000đ/hs (Hai trăm nghìn đồng);

Điều 5. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: Ghi tại Điều 2 quy chế này.

Điều 6. Tiền đặt trước; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước.

1. Tiền đặt trước tham gia đấu giá: Ghi tại Điều 2 quy chế này.

- Người (tổ chức, cá nhân) tham gia đấu giá phải nộp đúng, đủ số tiền đặt trước. Trường hợp không nộp hoặc nộp không đủ số tiền đặt trước hoặc nộp sau thời điểm

kết thúc thì hồ sơ đăng ký tham gia được coi là không hợp lệ và người đăng ký không được tham gia đấu giá đối với quyền khai thác khoáng sản nói trên.

2. Thời gian nộp tiền đặt trước: Thực hiện theo Thông báo đáp ứng yêu cầu, điều kiện tham gia đấu giá (Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá kể từ ngày nhận được Thông báo đáp ứng yêu cầu, điều kiện tham gia đấu giá đến ngày 17/9/2026)

3. Hình thức nộp: Người tham gia đấu giá nộp tiền vào tài khoản của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu - Số tài khoản: 119 0000 65176 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lai Châu
Mã QR để chuyển tiền đặt trước.



** Nội dung nộp tiền: <Tên tổ chức, cá nhân> nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ (tên mỏ) theo Thông báo số 135/TB-TTĐVĐGTS ngày 18/8/2026.*

- Khoản tiền đặt trước hợp lệ là khoản tiền “báo có” trong tài khoản của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu trước thời điểm kết thúc (Người tham gia đấu giá phải nộp giấy xác nhận đã nộp tiền do ngân hàng cấp để Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu kiểm chứng)

Điều 7. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

A. Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá: Từ 07 giờ 30 phút ngày 18/8/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 04/9/2026 (trong giờ hành chính các ngày làm việc).

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu - Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà số 01, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

B. Đối tượng, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

1. Mỏ vàng Nậm Cuối, xã Nậm Cuối, tỉnh Lai Châu

1.1. Đối tượng được tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu, không bị cấm theo quy định tại Luật đấu giá tài sản, Luật Địa chất và khoáng sản và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

1.2. Điều kiện được tham gia đấu giá:

a. Tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá khi đủ các điều kiện sau: Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét chọn.

b. Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò hoặc khai thác khoáng sản

quy định tại Điều 37 hoặc Điều 53 Luật Địa chất và khoáng sản, đồng thời phải đáp ứng yêu cầu tại Điều 109 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ khi xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, đáp ứng Điều 110 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ khi xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

c. Về năng lực, nghĩa vụ tài chính:

a) Phải đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; có năng lực tài chính bảo đảm ít nhất bằng 12.283.002.446 đồng.

b) Đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính liên quan đến các giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp phép, bao gồm:

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
- Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
- Thuế tài nguyên đối với khoáng sản;
- Tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản.

(Do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa hoàn thành việc xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản và kết nối, chia sẻ thành công với cơ sở dữ liệu ngành thuế để tra cứu nên các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải tự chịu trách nhiệm về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính nêu trên)

1.3. Hồ sơ mời tham gia đấu giá gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (*mẫu số 01, phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*)
- Quy chế cuộc đấu giá.
- Tài liệu liên quan đến tài sản đấu giá.

1.4. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

Người tham gia đấu giá nộp 02 (hai) bộ hồ sơ được niêm phong cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu gồm:

a) Bản chính: Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (*mẫu số 01, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*)

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ để chứng minh năng lực tài chính bảo đảm ít nhất bằng 12.283.002.446 đồng theo một trong các hình thức sau:

- Có vốn chủ sở hữu được xác định theo hồ sơ như sau:

+ Đối với tổ chức, cá nhân thành lập trước năm nộp hồ sơ, vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính trong năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán;

+ Đối với tổ chức, cá nhân mới thành lập trong năm nộp hồ sơ, vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính trong năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán.

- Được bảo lãnh ngân hàng;

- Có vốn chủ sở hữu kết hợp với phần bảo lãnh ngân hàng.

c) Bản sao hợp lệ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hợp tác xã.

2. Mở đá phiên lợp Nậm Ban, xã Pa Tần, tỉnh Lai Châu:

2.1. Đối tượng được tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu, không bị cấm theo quy định tại Luật đấu giá tài sản, Luật Địa chất và khoáng sản và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

2.2. Điều kiện được tham gia đấu giá:

a. Tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá khi đủ các điều kiện sau: Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét chọn.

b. Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò hoặc khai thác khoáng sản quy định tại Điều 37 hoặc Điều 53 Luật Địa chất và khoáng sản.

c. Về năng lực, nghĩa vụ tài chính:

a) Phải đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị định Nghị định số 193/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; có năng lực tài chính bảo đảm ít nhất bằng 1.058.047.618 đồng.

b) Đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính liên quan đến các giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp phép, bao gồm:

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
- Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
- Thuế tài nguyên đối với khoáng sản;
- Tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản.

(Do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa hoàn thành việc xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản và kết nối, chia sẻ thành công với cơ sở dữ liệu ngành thuế để tra cứu nên các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải tự chịu trách nhiệm về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính nêu trên)

2.3. Hồ sơ mời tham gia đấu giá gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (mẫu số 01, phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)
- Quy chế cuộc đấu giá.
- Tài liệu liên quan đến tài sản đấu giá.

2.4. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

Người tham gia đấu giá nộp 02 (hai) bộ hồ sơ được niêm phong cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu gồm:

a) Bản chính: Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (mẫu số 01, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày

16/01/2026 của Chính phủ để chứng minh năng lực tài chính bảo đảm ít nhất bằng 1.058.047.618 đồng theo một trong các hình thức sau:

- Có vốn chủ sở hữu được xác định theo hồ sơ như sau:
 - + Đối với tổ chức, cá nhân thành lập trước năm nộp hồ sơ, vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính trong năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán;
 - + Đối với tổ chức, cá nhân mới thành lập trong năm nộp hồ sơ, vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính trong năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán.
- Được bảo lãnh ngân hàng;
- Có vốn chủ sở hữu kết hợp với phần bảo lãnh ngân hàng.

c) Bản sao hợp lệ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hợp tác xã.

3. Mở đá Noong Ô, xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu

3.1. Đối tượng được tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu, không bị cấm theo quy định tại Luật đấu giá tài sản, Luật Địa chất và khoáng sản và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

3.2. Điều kiện được tham gia đấu giá:

a. Tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá khi đủ các điều kiện sau: Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét chọn.

b. Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò hoặc khai thác khoáng sản quy định tại Điều 37 hoặc Điều 53 Luật Địa chất và khoáng sản.

c. Về năng lực, nghĩa vụ tài chính:

a) Phải đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị định Nghị định số 193/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; có năng lực tài chính bảo đảm ít nhất bằng 1.533.464.464 đồng.

b) Đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính liên quan đến các giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp phép, bao gồm:

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
- Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
- Thuế tài nguyên đối với khoáng sản;
- Tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản.

(Do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa hoàn thành việc xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản và kết nối, chia sẻ thành công với cơ sở dữ liệu ngành thuế để tra cứu nên các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải tự chịu trách nhiệm về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính nêu trên)

3.3. Hồ sơ mời tham gia đấu giá gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (mẫu số 01, phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025
- Quy chế cuộc đấu giá.

- Tài liệu liên quan đến tài sản đấu giá.

3.4. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

Người tham gia đấu giá nộp 02 (hai) bộ hồ sơ được niêm phong cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu gồm:

a) Bản chính: Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (*mẫu số 01, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*)

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ để chứng minh năng lực tài chính bảo đảm ít nhất bằng 1.533.464.464 đồng theo một trong các hình thức sau:

- Có vốn chủ sở hữu được xác định theo hồ sơ như sau:

+ Đối với tổ chức, cá nhân thành lập trước năm nộp hồ sơ, vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính trong năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán;

+ Đối với tổ chức, cá nhân mới thành lập trong năm nộp hồ sơ, vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính trong năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán.

- Được bảo lãnh ngân hàng;

- Có vốn chủ sở hữu kết hợp với phân bảo lãnh ngân hàng.

c) Bản sao hợp lệ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hợp tác xã.

4. Mỏ đá Nậm Nà, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu

4.1. Đối tượng được tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu, không bị cấm theo quy định tại Luật đấu giá tài sản, Luật Địa chất và khoáng sản và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

4.2. Điều kiện được tham gia đấu giá:

a. Tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá khi đủ các điều kiện sau: Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét chọn.

b. Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò hoặc khai thác khoáng sản quy định tại Điều 37 hoặc Điều 53 Luật Địa chất và khoáng sản.

c. Về năng lực, nghĩa vụ tài chính:

a) Phải đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị định Nghị định số 193/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; có năng lực tài chính bảo đảm ít nhất bằng 748.691.474 đồng.

b) Đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính liên quan đến các giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp phép, bao gồm:

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

- Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
- Thuế tài nguyên đối với khoáng sản;
- Tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản.

(Do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa hoàn thành việc xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản và kết nối, chia sẻ thành công với cơ sở dữ liệu ngành thuế để tra cứu nên các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải tự chịu trách nhiệm về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính nêu trên)

4.3. Hồ sơ mời tham gia đấu giá gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (mẫu số 01, phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025

- Quy chế cuộc đấu giá.

- Tài liệu liên quan đến tài sản đấu giá.

4.4. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

Người tham gia đấu giá nộp 02 (hai) bộ hồ sơ được niêm phong cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu gồm:

a) Bản chính: Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (mẫu số 01, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ để chứng minh năng lực tài chính bảo đảm ít nhất bằng 748.691.474 đồng theo một trong các hình thức sau:

- Có vốn chủ sở hữu được xác định theo hồ sơ như sau:

- + Đối với tổ chức, cá nhân thành lập trước năm nộp hồ sơ, vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính trong năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán;

- + Đối với tổ chức, cá nhân mới thành lập trong năm nộp hồ sơ, vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính trong năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán.

- Được bảo lãnh ngân hàng;

- Có vốn chủ sở hữu kết hợp với phân bảo lãnh ngân hàng.

c) Bản sao hợp lệ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hợp tác xã.

5. Mở sết Mường Than, xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu

5.1. Đối tượng được tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu, không bị cấm theo quy định tại Luật đấu giá tài sản, Luật Địa chất và khoáng sản và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

5.2. Điều kiện được tham gia đấu giá:

a. Tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá khi đủ các điều kiện sau: Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét chọn.

b. Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò hoặc khai thác khoáng sản quy định tại Điều 37 hoặc Điều 53 Luật Địa chất và khoáng sản.

c. Về năng lực, nghĩa vụ tài chính:

a) Phải đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị định Nghị định số 193/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; có năng lực tài chính bảo đảm ít nhất bằng 1.808.198.399 đồng.

b) Đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính liên quan đến các giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp phép, bao gồm:

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
- Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
- Thuế tài nguyên đối với khoáng sản;
- Tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản.

(Do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa hoàn thành việc xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản và kết nối, chia sẻ thành công với cơ sở dữ liệu ngành thuế để tra cứu nên các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải tự chịu trách nhiệm về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính nêu trên)

5.3. Hồ sơ mời tham gia đấu giá gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (mẫu số 01, phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025

- Quy chế cuộc đấu giá.
- Tài liệu liên quan đến tài sản đấu giá.

5.4. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

Người tham gia đấu giá nộp 02 (hai) bộ hồ sơ được niêm phong cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu gồm:

a) Bản chính: Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (mẫu số 01, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025)

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ để chứng minh năng lực tài chính bảo đảm ít nhất bằng 1.808.198.399 đồng theo một trong các hình thức sau:

- Có vốn chủ sở hữu được xác định theo hồ sơ như sau:

+ Đối với tổ chức, cá nhân thành lập trước năm nộp hồ sơ, vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính trong năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán;

+ Đối với tổ chức, cá nhân mới thành lập trong năm nộp hồ sơ, vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính trong năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán.

- Được bảo lãnh ngân hàng;

- Có vốn chủ sở hữu kết hợp với phần bảo lãnh ngân hàng.

c) Bản sao hợp lệ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hợp tác xã.

6. Mỏ cát sông Đà và suối Nậm Dòn thuộc xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu

6.1. Đối tượng được tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu, không bị cấm theo quy định tại Luật đấu giá tài sản, Luật Địa chất và khoáng sản và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

6.2. Điều kiện được tham gia đấu giá:

a. Tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá khi đủ các điều kiện sau: Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét chọn.

b. Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò hoặc khai thác khoáng sản quy định tại Điều 37 hoặc Điều 53 Luật Địa chất và khoáng sản.

c. Về năng lực, nghĩa vụ tài chính:

a) Phải đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 55 của Nghị định Nghị định số 193/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; có vốn chủ sở hữu bảo đảm ít nhất bằng 3.782.707.497 đồng, trường hợp sử dụng các nguồn tài chính khác phải đảm bảo giá trị ít nhất bằng 12.609.024.990 đồng.

b) Đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính liên quan đến các giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản đã được cấp phép, bao gồm:

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
- Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
- Thuế tài nguyên đối với khoáng sản;
- Tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản.

(Do Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa hoàn thành việc xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản và kết nối, chia sẻ thành công với cơ sở dữ liệu ngành thuế để tra cứu nên các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải tự chịu trách nhiệm về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính nêu trên)

6.3. Hồ sơ mời tham gia đấu giá gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (*mẫu số 01, phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*)

- Quy chế cuộc đấu giá.
- Tài liệu liên quan đến tài sản đấu giá.

6.4. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

Người tham gia đấu giá nộp 02 (hai) bộ hồ sơ được niêm phong cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu gồm:

a) Bản chính: Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (*mẫu số 01, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025*)

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 55 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP theo một trong các hình thức sau:

- Trường hợp năng lực tài chính xác định theo vốn chủ sở hữu của tổ chức, cá

nhân bảo đảm ít nhất bằng 3.782.707.497 đồng, được xác định theo căn cứ sau:

+ Đối với tổ chức, cá nhân thành lập trước năm nộp hồ sơ, vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính trong năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán;

+ Đối với tổ chức, cá nhân mới thành lập trong năm nộp hồ sơ, vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính trong năm nộp hồ sơ đã được kiểm toán.

- Trường hợp sử dụng các nguồn tài chính khác phải bảo đảm tương đương giá trị tổng mức đầu tư dự án đầu tư là 12.609.024.990 đồng, bao gồm: Vốn chủ sở hữu hiện có của tổ chức cá nhân khai thác khoáng sản, cam kết thu xếp vốn của các nhà tài trợ tín dụng; cam kết cấp vốn, cam kết cho vay, hỗ trợ dòng tiền của công ty mẹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

c) Bản sao hợp lệ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hợp tác xã.

7. Cách thức đăng ký đấu giá: Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trực tiếp đăng ký tham gia đấu giá tại: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu (*Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà số 01 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu*).

Điều 8. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá.

1. Thời gian: Bắt đầu từ 08 giờ 30 phút ngày 20 tháng 9 năm 2026.

2. Địa điểm: Hội trường trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu - Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà số 01, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu

Điều 9. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá và cách thức xác định người trúng đấu giá

1. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp tại phiên đấu giá tối đa ba vòng.

- Người (tổ chức, cá nhân) tham gia đấu giá được phát một tờ phiếu trả giá, ghi giá muốn trả vào phiếu của mình. Hết thời gian ghi phiếu, người tham gia đấu giá trực tiếp bỏ phiếu vào thùng phiếu (*thời gian không quá bảy phút, kể cả thời gian viết và thời gian bỏ phiếu trả giá*); đấu giá viên kiểm đếm và công bố số phiếu phát ra, số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ; công bố giá trả của từng phiếu trả giá, phiếu trả giá cao nhất với sự giám sát của ít nhất một người tham gia đấu giá; Đấu giá viên công bố giá cao nhất đã trả của vòng đấu giá đó và đề nghị người (tổ chức, cá nhân) tham gia đấu giá tiếp tục trả giá cho vòng tiếp theo. Giá khởi điểm của vòng đấu giá tiếp theo là giá cao nhất đã trả ở vòng đấu giá trước liền kề.

- Tất cả người (tổ chức, cá nhân) được xác định đủ điều kiện tham gia đấu giá bắt buộc phải tham gia đấu giá vòng đầu tiên (*vòng thứ nhất*). Từ vòng đấu giá thứ 2 (hai) trở đi nếu người tham gia đấu giá không còn nhu cầu đấu giá tiếp thì phải viết vào phiếu trả giá là **“không trả giá”** (*không được nói bằng lời*). Người có phiếu trả giá ghi **“không trả giá”** hoặc có phiếu trả giá không hợp lệ thì không được tham gia đấu giá tại các vòng đấu tiếp theo và được Đấu giá viên mời ra khỏi phòng đấu giá.

- Kết quả đấu giá được xác định sau khi kết thúc 03 (ba) vòng đấu giá trên cơ sở xem xét phiếu trả giá hợp lệ có giá trả cao nhất tại vòng đấu giá thứ 3 (ba) để xác định người (tổ chức, cá nhân) trúng đấu giá hoặc có thể xét kết quả trúng đấu giá tại vòng đấu giá bất kỳ (từ vòng đấu giá thứ hai trở đi) nếu tại vòng đấu đó chỉ có 01 (một) người (tổ chức, cá nhân) trả giá và là giá trả hợp lệ của vòng đấu giá đó (những người còn lại đều: đã viết trong phiếu trả giá là **“không trả giá”** hoặc phiếu

trả giá không hợp lệ) thì người trả giá hợp lệ là người trúng đấu giá. Giá trúng đấu giá phải cao hơn giá khởi điểm cộng với số nguyên lần bước giá.

- Trường hợp người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên công bố người trúng đấu giá thì cuộc đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó. Người rút lại giá đã trả bị truất quyền tham gia cuộc đấu giá.

2. Phương thức đấu giá: Đấu giá theo phương thức trả giá lên

3. Cách thức xác định người trúng đấu giá trong từng trường hợp cụ thể như sau:

- Tại vòng đấu giá đầu tiên (thứ nhất), trường hợp có nhiều người (tổ chức, cá nhân) tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người (tổ chức, cá nhân) trả giá hợp lệ thì cuộc đấu giá không thành. Cuộc đấu giá chỉ được tiếp tục vòng đấu giá thứ hai khi tại vòng đấu giá đầu tiên (thứ nhất) có từ hai người (tổ chức, cá nhân) trả giá hợp lệ trở lên.

- Trường hợp sau khi kết thúc vòng đấu giá thứ nhất, ở các vòng đấu tiếp theo nếu đến vòng đấu giá bất kỳ mà tất cả phiếu đều ghi là **“không trả giá”** hoặc tất cả phiếu không hợp lệ thì lấy kết quả của vòng đấu giá trước liền kề để xác định người trúng đấu giá. Nếu tại vòng đấu trước liền kề có nhiều phiếu trả giá cao nhất, hợp lệ và bằng nhau thì đấu giá viên sẽ tổ chức bốc thăm để chọn ra người (tổ chức, cá nhân) trúng đấu giá.

- Trường hợp kết thúc vòng đấu giá thứ ba (vòng cuối cùng) mà có từ hai người (tổ chức, cá nhân) trở lên cùng trả mức giá cao nhất và hợp lệ, đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất và hợp lệ để chọn ra người trúng đấu giá. Nếu tất cả người có giá trả hợp lệ, cao nhất không đồng ý đấu giá tiếp hoặc không có người trả giá cao hơn thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá.

- Người trúng đấu giá là người có giá trả hợp lệ cao nhất hoặc là người bốc được thăm trúng đấu giá theo quy định và được Đấu giá viên công bố tại cuộc đấu giá.

Điều 10: Các trường hợp bị truất quyền tham gia đấu giá; các trường hợp không được nhận lại tiền đặt trước:

1. Các trường hợp bị truất quyền tham gia đấu giá:

a. Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia phiên đấu giá;

b. Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để dìm giá, nâng giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

c. Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại phiên đấu giá;

d. Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

đ. Nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với tài sản mà mình cũng là người tham gia đấu giá tài sản đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một tài sản;

e. Tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó;

f. Tham dự phiên đấu giá trong trường hợp công ty mẹ, công ty con, các doanh nghiệp mà cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó;

g. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan;

h. Rút lại giá đã trả theo quy định tại Điều 50 của Luật Đấu giá tài sản.

2. Các trường hợp không được nhận lại tiền đặt trước:

a. Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham dự phiên đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng;

b. Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá;

c. Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu giá;

d. Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của Luật đấu giá;

đ. Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật đấu giá.

3. Xử lý khoản tiền đặt trước:

a. Trường hợp người trúng đấu giá tài sản (người mua được tài sản), khoản tiền đặt trước được xử lý theo quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành. Người không trúng đấu giá tài sản, khoản tiền đặt trước được trả lại (*nếu không vi phạm quy chế đấu giá*) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phiên đấu giá kết thúc;

b. Số tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo các quy định ở trên sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

c. Người trúng đấu giá được coi như chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá kể từ thời điểm đấu giá viên công bố người trúng đấu giá, trừ trường hợp người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu giá tài sản hoặc từ chối kết quả trúng đấu giá quy định tại Điều 51 của Luật đấu giá tài sản. Kể từ thời điểm này, quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan (*Khoản tiền đặt trước được chuyển thành tiền đặt cọc*).

Điều 11. Bước giá, giá trả hợp lệ và giá trả không hợp lệ:

1. Bước giá: Ghi tại Điều 2, Quy chế này

2. Giá trả hợp lệ:

- Đối với vòng đấu thứ nhất: Tất cả người tham gia đấu giá đều phải trả giá, giá trả hợp lệ là giá trả bằng giá khởi điểm cộng với nguyên lần bước giá (1 bước, 2 bước, 3 bước, 4 bước,... .. bước)

VD: $Giá\ trả = R_1 + Bước\ giá \times (1\ hoặc\ 2,\ hoặc\ 3,\ hoặc\ 4,\ hoặc\\ bước)$

- Đối với vòng đấu thứ hai: Giá khởi điểm của vòng đấu giá thứ hai là giá trả cao nhất của vòng đấu thứ nhất, người tham gia đấu giá ở vòng đấu giá thứ hai thì giá trả hợp lệ là bằng giá khởi điểm của vòng thứ hai cộng với nguyên lần bước giá (1 bước, 2 bước, 3 bước, 4 bước,... .. bước).

VD: $Giá\ trả = R_2 + Bước\ giá \times (1\ hoặc\ 2,\ hoặc\ 3,\ hoặc\ 4,\ hoặc\\ bước)$

- Đối với vòng đấu giá thứ ba: Giá khởi điểm của vòng đấu giá thứ ba là giá trả cao nhất của vòng đấu thứ hai, người tham gia đấu giá ở vòng đấu giá thứ ba thì giá trả hợp lệ là bằng giá khởi điểm của vòng thứ ba cộng với nguyên lần bước giá (1 bước, 2 bước, 3 bước, 4 bước,... .. bước).

VD: $Giá\ trả = R_3 + Bước\ giá \times (1\ hoặc\ 2,\ hoặc\ 3,\ hoặc\ 4,\ hoặc\\ bước)$

3. Giá trả không hợp lệ: Là giá trả trái với quy định của giá trả hợp lệ.

Điều 12. Phiếu trả giá hợp lệ và phiếu trả giá không hợp lệ.

1. Phiếu trả giá hợp lệ:

+ Phiếu do Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu phát hành và có đóng dấu treo.

+ Phiếu trả giá không tẩy, xóa, rách nát, sửa chữa.

- + Phiếu ghi đầy đủ, rõ ràng các thông tin quy định.
- + Giá trả ghi bằng số và giá trả ghi bằng chữ rõ ràng và đồng nhất. Trường hợp giá trả ghi bằng chữ và giá trả ghi bằng số không đồng nhất thì giá trả ghi bằng chữ được công nhận để xác định kết quả đấu giá.
- + Phiếu có chữ ký, ghi rõ họ và tên của người trả giá.
- + Phiếu trả giá có giá trả bằng giá khởi điểm cộng với số nguyên lần bước giá (1, 2, 3,, n lần)
- + Phiếu trả giá phải được viết bằng một màu mực (*không dùng mực màu đỏ*).
- + Phiếu trả giá phải do người đứng tên trong đơn đăng ký hoặc người được ủy quyền viết và ký tên.

Chú ý: Phần ghi bằng chữ phải ghi đầy đủ cả chữ “phần trăm“, nếu giá trả mà theo quy định có chữ “mười“ thì phải ghi cả chữ “mười“ (VD: Ba mươi phần trăm)

2. Phiếu trả giá không hợp lệ: Là phiếu không đảm bảo một trong các điều kiện của phiếu trả giá hợp lệ nêu trên

3. Cách tính kết quả và bảo lưu kết quả.

- Người tham gia đấu giá ở vòng đấu giá nào thì được bảo lưu kết quả ở vòng đấu đó.

- Người trả giá không hợp lệ thì không được tham gia ở vòng tiếp theo và được bảo lưu kết quả ở vòng trước đó.

Điều 13. Đấu giá không thành:

1. Đã hết thời hạn đăng ký mà không có người đăng ký tham gia đấu giá; Tất cả những người đã đăng ký tham gia đấu giá hợp lệ nhưng không tham dự phiên đấu giá;

2. Tại cuộc đấu giá không có người trả giá hoặc không có người chấp nhận giá;

3. Giá trả cao nhất mà vẫn thấp hơn giá khởi điểm trong trường hợp không công khai giá khởi điểm và cuộc đấu giá được thực hiện theo phương thức trả giá lên;

4. Người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật đấu giá;

5. Người đã trả giá rút lại giá đã trả, người đã chấp nhận giá rút lại giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của Luật đấu giá mà không có người trả giá tiếp;

6. Trường hợp từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật đấu giá;

7. Đã hết thời hạn đăng ký mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá;

8. Có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham gia cuộc đấu giá hoặc có nhiều người tham gia cuộc đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá hoặc có nhiều người trả giá nhưng chỉ có một người trả giá hợp lệ.

Điều 14. Quy định đối với những người tham gia trong quá trình đấu giá.

1. Người tham gia đấu giá phải có mặt đúng giờ tại hội trường theo thông báo, nếu đến muộn khi đã tiến hành trả giá thì không được vào hội trường tham gia đấu giá.

2. Trong thời gian diễn ra phiên đấu giá tài sản, người tham gia đấu giá không được thực hiện các hành vi sau:

- Đi lại trong phòng đấu giá hoặc ra khỏi phòng đấu giá,
- Dùng điện thoại di động, dùng máy quay phim, dùng máy chụp hình, thiết bị thông minh kết nối với điện thoại trong phòng đấu giá,
- Hút thuốc lá, sử dụng rượu, bia, chất kích thích, chất gây cháy nổ.
- Gây rối, mất trật tự.

3. Trường hợp người tham gia đấu giá vi phạm một trong các quy định tại Quy chế này, Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá có quyền tạm ngưng phiên đấu giá, lập biên bản xử lý và chỉ tiếp tục cuộc đấu giá sau khi hành vi vi phạm đã được xử lý theo quy định.

4. Một tổ chức chỉ được cử một người đại diện tham dự phiên đấu giá (trừ trường hợp đặc biệt) và chỉ người đại diện hợp pháp hoặc người được ủy quyền mới được quyền trả giá.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành.

Tổ chức đấu giá, tổ chức, cá nhân, tham gia đấu giá có trách nhiệm thực hiện quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực đấu giá tài sản ./.